TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 22/4/2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Dương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Sinh**.

Ông **Nông Văn Quân**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Kim Dung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Bàn Thị Tiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 08/2021/TLST - DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐHPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP B.**

Địa chỉ: Tòa nhà Th, số 210 Tr, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Tuấn L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B1.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đồng Thị Th - Chuyên viên Phòng Khách hàng Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B1. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Hà Minh H**, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 30/3/2018, ông Hà Minh H và Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B1 đã ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD2602018342 có nội dung: Số tiền vay là: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); mục đích sử dụng vốn vay: Mua sắm đồ gia dụng; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân là ngày 30/03/2018; kỳ hạn trả nợ gốc: Hàng tháng, vào ngày 25 hàng tháng, số tiền mỗi tháng phải trả là 1,666,667 đồng; kỳ hạn trả lãi: hàng tháng; lãi suất trong hạn là: 10,75%/năm, lãi suất cố định trong vòng 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, kể từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cố định 12%/ năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%, ngoài ra hợp đồng còn thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên. Khoản vay trên không có tài sản đảm bảo và được bảo lãnh.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã giải ngân và ông H đã nhận toàn bộ số tiền vay theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và giấy rút tiền ngày 30/3/2018. Ông H đã trả được một phần nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, sau đó đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng nên khoản vay của ông H đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 04/6/2020.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 04 tháng 5 năm 2021 là: 63.699.422đ (Sáu mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 56.666.658đ (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng); Nợ lãi trong hạn là 5.333.012đ (Năm triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, không trăm mười hai đồng); Nợ lãi quá hạn là 1.699.752đ (Một triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng). Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông H không trả thêm cho Ngân hàng được khoản tiền nào.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Hà Minh H phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số HDTD2602018342 ngày 30/3/2018 giữa ông H với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B1 tính đến ngày 22/4/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) tổng số tiền là 71.929.122đ (Bảy mươi mốt triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, một trăm hai mươi hai đồng) trong đó: Nợ gốc là 56.666.658đ (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng); nợ lãi trong hạn: 12.985.203đ (Mười hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm linh ba đồng); nợ lãi quá hạn: 2.277.261đ (Hai triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi mốt đồng) và khoản tiền lãi kể từ ngày 23/4/2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đối với số tiền lãi suất nợ lãi chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng Ngân hàng không yêu cầu ông H phải trả.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn đồng thời đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt tại tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Hà Minh H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số HDTD2602018342 ngày 30/3/2018 giữa ông Hà Minh H và Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B tính đến ngày 22/4/2022 với tổng số tiền là 71.929.122đ (Bảy mươi mốt triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, một trăm hai mươi hai đồng) trong đó: nợ gốc là 56.666.658đ (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng); nợ lãi trong hạn: 12.985.203đ (Mười hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm linh ba đồng); Nợ lãi quá hạn: 2.277.261đ (Hai triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi mốt đồng). Ông Hà Minh H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 23/4/2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện bị đơn ông Hà Minh H có địa chỉ tại: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B1 về việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó xác định đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

** Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng*: Ngày 30/3/2018, ông Hà Minh Hoan và Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B đã ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD2602018342 có số tiền vay là: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); mục đích sử dụng vốn vay: Mua sắm đồ gia dụng; thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất trong hạn là: 10,75%/năm áp dụng lãi suất cố định trong vòng 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, kể từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cố định 12%/ năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%.

Hợp đồng tín dụng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Điều 116, Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự , trên cơ sở tự nguyện , nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên , không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp , có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền , nghĩa vụ của mình theo các thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng.

** Xét việc thực hiện Hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc, khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn.*

Quá trình thực hiện Hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn toàn bộ số tiền vay theo giấy rút tiền và chứng từ giải ngân ngày 30/3/2018. Về phía bị đơn, sau khi vay đã trả cho nguyên đơn một phần nợ gốc và tiền lãi, tuy nhiên sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng. Do đó nguyên đơn đã thu hồi nợ trước hạn và khởi kiện tại Tòa án là có căn cứ theo Điều 7 Hợp đồng tín dụng đã ký kết và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 22/4/2022 với tổng số tiền là 71.929.122đ (Bảy mươi mốt triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, một trăm hai mươi hai đồng) trong đó: nợ gốc là 56.666.658đ (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng); nợ lãi trong hạn: 12.985.203đ (Mười hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm linh ba đồng); Nợ lãi quá hạn: 2.277.261đ (Hai triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi mốt đồng) và khoản tiền lãi kể từ ngày 23/4/2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét thấy, yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp với nội dung của hợp đồng vay đã ký kết, giấy rút tiền, chứng từ giải ngân, sao kê lịch trả nợ và sao kê tài khoản chi tiết trả nợ gốc, lãi theo lịch trình đã trả và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Lãi xuất do nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định trong hợp đồng ký kết giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp quy định về áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước tại thời vay và quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào k hoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 119, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc ông Hà Minh H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số HDTD2602018342 ngày 30/3/2018 giữa ông Hà Minh H và Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B1 tính đến ngày 22/4/2022 với tổng số tiền là 71.929.122đ (Bảy mươi mốt triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, một trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 56.666.658đ (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng); nợ lãi trong hạn: 12.985.203đ (Mười hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm linh ba đồng); nợ lãi quá hạn: 2.277.261đ (Hai triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi mốt đồng).

Ông Hà Minh H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 23/4/2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí. Bị đơn ông Hà Minh H phải chịu 3.596.456 đồng (Ba triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 1.592.000đ (Một triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000357 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TATND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THAND thành phố;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương